TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TN **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 105/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 30/09/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN - TỈNH TN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Tú

Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: Ông Nguyễn Đức Chiến, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 09 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 441/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 06 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2019/QĐSTHNGĐ, ngày 09 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị P ,sinh năm 1985

Trú tại: Tổ M, phường T, thành phố TN, tỉnh TN. (có mặt tại phiên toà).

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1981

Trú tại: Tổ H, phường T, thành phố TN, tỉnh TN. (Vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày: Ngày 13/10/2010 chị và anh Trần Quốc T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố TN trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Về con chung vợ chồng có một con chung là cháu Trần Minh Quân, sinh ngày 11/9/2012. Về tài sản chung và khoản nợ chung không có.

Về nguyên nhân xin ly hôn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm thường

xuyên xẩy ra mâu thuẫn. Hai vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn hạnh phúc, sau đó vợ chồng không có tiếng nói chung , bất đồng quan điểm thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn , vợ chồng sống không hạnh phúc, nên chị làm đơn xin ly hôn anh Tuấn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị P xác định việc duy trì tình cảm vợ chồng không đem lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Tuấn để giải phóng cho nhau, mỗi người tự tạo dựng cuộc sống riêng cho mình và yên tâm nuôi dạy con chung.

Khi ly hôn về con chung: chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Minh Quân, sinh ngày 11/9/2012 và không yêu cầu anh Tuấn phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị P xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị P nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các giấy tờ cho anh Trần Quốc T nhưng anh Tuấn không có mặt tại Tòa án nên không có bản tự khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Kết thúc phần hỏi, vị đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự như: Thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, lập hồ sơ và chấp hành về thời gian chuẩn bị xét xử; thời hạn tiến hành phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH, Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị P, cho chị P được ly hôn với anh Trần Quốc T. Về con chung: Giao cháu Trần Minh Quân, sinh ngày 11/9/2012 cho chị P. Anh Tuấn có quyền đi lại thăm con chung; về cấp dưỡng nuôi con chung chị P không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết; về án phí chị P phải nộp án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh Trần Quốc T nhưng đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]Về nội dung: Ngày 13/10/2010 chị và anh Trần Quốc T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố TN trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn. Hai vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn hạnh phúc, sau đó vợ chồng không có tiếng nói chung , bất đồng quan điểm thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn , vợ chồng sống không hạnh phúc. Trên thực tế hiện nay hai vợ chồng không còn chung sống mà đã sống ly thân được một thời gian. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu của chị P có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Trần Minh Quân, sinh ngày 11/9/2012 là chính đáng, vì cháu Quân do chị P đang trực tiếp chăm sóc. Hội đồng xét xử thấy nên chấp nhận yêu cầu của chị P, giao con chung là Trần Minh Quân, sinh ngày 11/9/2012 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị P không yêu cầu anh Tuấn phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu tòa án giải quyết do đó về vấn đề tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết trong một vụ án khác nếu các đương sự có đơn yêu cầu.

Về án phí: Chị P phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị P, cho chị P được ly hôn anh Trần Quốc T.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Minh Quân, sinh ngày 11/9/2012 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Tuấn có quyền đi lại thăm con chung.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án không giải quyết vì chị P không yêu cầu. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Quốc T cho đến khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001758, ngày 03/ 06 /2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt Nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnhTN;
- Đương sự;
- UBND phường ;
- Lưu HS, BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Huyền